

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẢNG BOM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/9/2023.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Đinh Xuân Dậu

2. Ông Đặng Quang Hoạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Phi L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà G, ông L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm G trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Phi L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng

Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Hào N, sinh ngày 12/01/2010 và Trần Phi L1, sinh năm 05/01/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu L1. Tạm thời, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Không có.

*** *Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Phi L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Cẩm G có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Nay bà G xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Hào N, sinh ngày 12/01/2010 và Trần Phi L1, sinh năm 05/01/2012. Ly hôn ông đồng ý giao các con cho bà G nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã, không tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm G về việc ly hôn với ông Trần Phi L.

Về con chung: Giao cháu [Trần Hạo N](#), sinh ngày 12/01/2010 và [Trần Phi L1](#), sinh năm 05/01/2012 cho bà [Trần Thị Cẩm G](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông [Trần Phi L](#) không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà [G](#) phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà [G](#) xin ly hôn với ông [L](#) có địa chỉ cư trú tại: [Tổ I, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà [G](#), ông [L](#) có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà [G](#), ông [L](#) theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà [G](#) và ông [L](#) kết hôn với nhau vào năm 2010 tại [Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#), theo giấy chứng nhận kết hôn số: 47, quyển số 01/2010 ngày 05/7/2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà [G](#) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông [L](#) để trả tự do cho nhau; Ông [L](#) cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Nay bà [G](#) xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà [G](#), giải quyết cho bà [G](#) được ly hôn với ông [L](#) để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Bà [G](#) yêu cầu được nuôi dưỡng cháu [Trần Hạo N](#), sinh ngày 12/01/2010 và [Trần Phi L1](#), sinh năm 05/01/2012 cho bà [Trần Thị Cẩm G](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông [Trần Phi L](#) không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu [N](#) và cháu [L1](#) đều có nguyện vọng được ở cùng với bà [G](#). Ly hôn ông [L](#) cũng đồng ý giao các con cho bà [G](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do

đó, giao cháu [Trần Hạo N](#), sinh ngày 12/01/2010 và [Trần Phi L1](#), sinh năm 05/01/2012 cho bà [Trần Thị Cẩm G](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông [Trần Phi L](#) không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà [G](#) phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Aùp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn, nuôi con” của bà [Trần Thị Cẩm G](#).

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà [Trần Thị Cẩm G](#) được ly hôn với ông [Trần Phi L](#).

2. Về con chung: Giao cháu [Trần Hạo N](#), sinh ngày 12/01/2010 và [Trần Phi L1](#), sinh năm 05/01/2012 cho bà [Trần Thị Cẩm G](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông [Trần Phi L](#) không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông [Trần Phi L](#) được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà [Trần Thị Cẩm G](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0003078 ngày 02/6/2023.

6. Bà [Trần Thị Cẩm G](#) và ông [Trần Phi L](#) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS H. Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự H. Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ;
- UBND xã Đồi 61, H. Trảng Bom.
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Mỹ Hạnh

